

U15 FIÚ				RC Kupa	MSZA Kupa						Spari Kupa							Szent István Kupa						Total	Net	
	BIC TECHNO 293	rajtszám	egyesület	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20	R21		
1	Jancsó Kristóf	HUN 173	MSZA	1	1	1	1	1	DNF	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	1	2	2	34	17
2	Gerlits Kristóf	HUN 494	Spartacus VE	2	2	2	2	2	DNF	6	2	3	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2	1	3	52	29
3	Miháلكó Máté	HUN 812	MSZA	3	3	3	3	3	1	1	3	2	4	3	3	3	4	3	DNC	DNC	3	3	3	1	70	41
4	Tótfalvi Farkas	HUN 272	MSZA	7	6	6	5	6	DNC	5	DNC	DNC	5	4	5	5	5	5	DNC	3	4	4	4	4	101	58
5	Álló Viktor	HUN 190	WSC	4	4	5	DNC	4	DNC	3	4	4	3	5	4	4	3	4	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	123	78
6	Lehoczki Vince	HUN 259	Körte HVSE	5	5	4	4	5	DNC	4	5	5	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	154	109
7	Kátai Flórián	HUN 514	MSZA	6	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	6	7	7	6	6	DNC	DNC	DNC	DNC	5	DNC	DNC	169	124
8	Morvai Botond	HUN 4871	MSZA	8	7	7	DNC	7	DNC	DNC	DNC	DNC	7	6	6	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	174	129
U15 LÁNY				RC Kupa	MSZA Kupa						Spari Kupa							Szent István Kupa						Total	Net	
	BIC TECHNO 293	rajtszám	egyesület	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20	R21		
1	Simon Hanna	HUN 70	Körte HVSE	1	2	1	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	4	4	24	16
2	Bósa Bori	HUN 501	Spartacus VE	3	5	4	1	2	3	4	2	3	1	4	2	2	4	2	2	3	3	2	2	3	57	36
3	Csicsmann Kata	HUN 223	Körte HVSE	2	1	2	3	3	2	2	3	2	4	2	3	4	2	3	3	2	2	3	3	4	55	37
4	Szalay Laura	HUN 288	Körte HVSE	4	3	3	4	4	DNC	3	4	4	3	5	4	5	3	4	4	7	5	4	5	2	91	58
5	Baticz Boróka	HUN 685	Spartacus VE	5	4	6	5	5	DNC	6	5	6	5	3	5	3	5	5	6	4	6	5	4	5	109	74
6	Kramer Emma	HUN 787	Spartacus VE	8	6	5	6	7	DNC	DNC	DNC	DNC	6	6	6	6	6	7	5	5	4	DNC	DNC	DNC	160	105
7	Bakonyi-Tóth Rozi	HUN 717	Spartacus VE	7	7	9	7	6	DNC	DNC	DNC	DNC	8	9	9	8	10	10	7	6	7	6	6	DNC	177	122
8	Práth Panni Sofia	HUN 311	Körte HVSE	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	5	6	5	7	10	8	7	7	6	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	193	138
9	Csingár Zsófia	HUN 101	MSZA	6	8	7	9	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	9	7	10	9	9	8	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	203	148
10	Demjén Laura	HUN 516	MSZA	DNC	9	8	8	8	DNC	DNC	DNC	DNC	10	8	7	10	8	9	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	206	151
U17 FIÚ				RC Kupa	MSZA Kupa						Spari Kupa							Szent István Kupa						Total	Net	
	BIC TECHNO 293	rajtszám	egyesület	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20	R21		
1	Kossovics Máté	HUN 401	Körte HVSE	1	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	24	17
2	Szabó Marcell	HUN 252	Spartacus VE	2	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	4	4	2	1	2	2	2	2	43	29
3	Jancsó Gergely	HUN 209	MSZA	4	4	4	4	4	3	4	4	4	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	69	49
4	Schneider Milán	HUN 183	Körte HVSE	3	3	3	3	3	5(DNC)	3	3	3	4	4	4	4	3	3	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4	3.4	71.4	50.4
U17 LÁNY				RC Kupa	MSZA Kupa						Spari Kupa							Szent István Kupa						Total	Net	
	BIC TECHNO 293	rajtszám	egyesület	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20	R21		
1	Ralovich Milla	HUN 79	Körte HVSE	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	4	4	DNC	DNC	30	16
2	Ruttkay Panna	HUN 167	WSC	DNC	2	2	3	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	3	3	3	2	3	3	DNC	2	DNC	2	1	1	70	45
3	Haidekker Zsófia	HUN 620	Spartacus VE	2	3	3	2	2	DNC	DNC	DNC	2	2	2	2	3	2	1	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	71	46
4	Kelemen Dorka	HUN 608	MSZA	DNC	4	DNF	4	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	103	78

TECHNO PLUS LÁNY				RC Kupa	MSZA Kupa					Spari Kupa							Szent István Kupa						Total	Net			
	BIC TECHNO 293	rajtszám	egyesület	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20	R21			
1	Morvai Anna	HUN 487	MSZA	3	2	1	UFD	1	1	2	1	1	1	2	2	1	2	1	2	1	1	2	1	2	35	21	
2	Árendás Luca	HUN 13	Körte HVSE	2	1	3	UFD	3	DNC	1	2	2	2	1	1	2	1	2	3	3	3	3	DNC	DNC	55	32	
3	Bócsa Luca	HUN 625	Spartacus VE	4	3	2	2	4	DNC	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	2	2	1	2	1	56	37	
4	Kelemen Lili	HUN 622	MSZA	1	4	4	1	2	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	92	67	
TECHNO PLUS FIÚ				RC Kupa	MSZA Kupa					Spari Kupa							Szent István Kupa						Total	Net			
	BIC TECHNO 293	rajtszám	egyesület	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20	R21			
1	Morvai Bálint	HUN 9	MSZA	5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	25	16	
2	Czirják Dániel	HUN 225	Körte HVSE	1	2	4	4	2	4	4	2	3	2	3	5	5	3	3	5	2	3	4	5	4	70	46	
3	Ralovich Dávid	HUN 23	Körte HVSE	4	3	2	3	4	3	5	3	2	5	2	3	4	2	2	4	3	5	5	4	3	71	47	
4	Negyeliczky Brúnó	HUN 2004	MSZA	2	5	3	5	3	2	2	4	4	6	5	6	3	5	6	2	5	2	3	2	2	77	49	
5	Balás Csongor	HUN 520	MSZA	3	6	5	2	5	5	3	5	5	4	4	2	2	4	5	3	4	4	2	3	5	81	55	
6	Fodor Ákos	HUN 159	Körte HVSE	6	4	6	OCS	6	DNC	DNC	6	6	3	6	4	6	6	4	6	6	6	6	6	6	123	87	
7	Kertész Barnabás	HUN 357	MSZA	7	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	6	DNC	DNC	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	DNC	DNC	155	115
RACEBOARD				RC Kupa	MSZA Kupa					Spari Kupa							Szent István Kupa						Total	Net			
	CLASS	rajtszám	egyesület	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20				
1	Jancsó Benedek	HUN 207	MSZA	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	20	15	
2	Gádorfalvi Luca	HUN 41	WSC	2	2	2	3	3	4	5	DNC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	55	31		
3	Gádorfalvi Károly	HUN 4	WSC	4	5	5	5	4	2	4	2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	4	4	77	54	
4	Pollacsek Kálmán	HUN 661	MSZA	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	2	3	3	3	3	DNC	3	3	3	3	3	4	4	2	3	102	57	
5	Sükösd Balázs	HUN 117	Spartacus VE	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	3	3	4	5	5	5	4 (STP)	5	5	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	138	93	
6	Hanzély Mark	HUN 1999	MSZA	DNC	3	3	2	2	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	154	109	
7	dr. Molnár Áron	HUN 163	MSZA	DNC	4	4	4	5	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	161	116	
8	Utassy Loránd	HUN 71	MSZA	3	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	DNC	174	129	